

PHỤ LỤC 10

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ CÁC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN TỪ 01/01/2022 ĐẾN 31/12/2022

CHƯA ĐIỀU CHỈNH THUẾ VAT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2022/NĐ-CP

(Kèm theo Kết luận số 01/KL-STC ngày 10/01/2024 của Giám đốc Sở Tài chính)

ĐVT: Đồng							
STT	Tên công trình (nội dung)	Xây lắp trước thuế trong dự án được duyệt	Xây lắp trước thuế chỉ định thầu	Giá trị đề nghị thanh toán	Hệ số định mức %	Giá trị sau kiểm tra	Chênh lệch (số kiểm tra - số đề nghị)
A	B	1	2	3	4	5	6=5-3
1	Xây dựng Bờ cận ngã 3 thôn Bình An 2, xã Phước Thành	689.426.384	689.426.384	758.369.000		744.580.000	-13.789.000
*	Chi phí xây dựng			758.369.000		744.580.000	-13.789.000
2	Mở rộng Đường BTGT đoạn từ Cổng chào đến Nhà VH thôn Bình An2	836.746.989	836.746.989	977.737.000		959.959.000	-17.778.000
*	Chi phí xây dựng			920.422.000		903.687.000	-16.735.000
*	Chi phí QLDA			27.834.000	3,024	27.327.000	-507.000
*	Giám sát thi công			29.481.000	3,203	28.945.000	-536.000
3	Xây dựng Kênh mương Bờ bậu đầu thôn Bình An 2	817.448.695	817.448.695	899.194.000		882.845.000	-16.349.000
*	Chi phí xây dựng			899.194.000		882.845.000	-16.349.000
4	Xây dựng Nhà vệ sinh Trường Tiểu học số 2	833.423.351	833.423.351	423.229.000		415.500.000	-7.729.000
*	Chi phí xây dựng (phiếu giá số 1: 358,984,000 đồng)		326.316.364	358.984.000		352.422.000	-6.562.000
*	Lập báo cáo KTKT			59.589.000	6,500	58.506.000	-1.083.000
*	Thẩm tra BC KTKT			4.656.000	(0,258+0,25)	4.572.000	-84.000
	Tổng cộng			3.058.529.000		3.002.884.000	-55.645.000